

Bản án số: 103/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Bé

- Ông Dương Trần Trọng Quang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 63/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị P, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã PC, huyện CL, tỉnh TG.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn V, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã PC, huyện CL, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2018 nguyên đơn chị Lwong Thị Phỉ trình bày: Chị và anh Lê Văn V kết hôn vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nên chị xin được ly hôn anh V; Con chung có 03 đứa tên Lê Thị Th, sinh ngày 23/9/2001, Lê Thị T, sinh ngày 19/6/2003 và Lê Thị Tg, sinh ngày 05/3/2011 hiện chị đang nuôi. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hết 03 con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: Điều không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lương Thị P có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt; Bị đơn anh Lê Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng anh V vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị P và anh V.

[2] Nguyên đơn chị Lương Thị P khởi kiện ly hôn bị đơn anh Lê Văn V theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị P và anh Lê Văn V đám cưới và sống chung với nhau từ năm 1998 đến nay tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, không có căn cứ xem xét cho anh chị được ly hôn hay đoàn tụ mà chỉ tuyên bố không công nhận chị P và anh V có quan hệ vợ chồng là đúng theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét thấy con chung giữa chị P và anh V là các cháu Lê Thị Th, sinh ngày 23/9/2001, Lê Thị T, sinh ngày 19/6/2003 và Lê Thị Tong, sinh ngày 05/3/2011, hiện do chị P nuôi dưỡng ổn định, phát triển tốt. Do đó, tiếp tục giao con chung cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Do chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh V vắng mặt, đồng thời chị P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1 - Về hôn nhân: Không công nhận chị Lương Thị P và anh Lê Văn V là vợ chồng.

2 - Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Lê Thị Th, sinh ngày 23/9/2001, Lê Thị T, sinh ngày 19/6/2003 và Lê Thị Tong, sinh ngày 05/3/2011

cho chị Lương Thị P nuôi dưỡng. Anh Lê Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3 - Về án phí: Chị Lương Thị P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15314 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

4 – Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5 - Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Phú Cường, LC, TG;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan